

**PHẨM: ĐỆ TỬ**

(Phần 6)

Tám là: Phật sai ngài Ưu-ba-ly “Mạng Ưu-ba-ly...” . Văn có hai phần: Phật sai thăm bệnh và đáp lời không kham.

- Sai thăm bệnh. Sở dĩ sai tiếp “Ưu ba ly”, vì ngài là người trì luật bậc nhất trong số đệ tử Phật. Ưu-ba-ly, Hán dịch là Thượng thủ. Có người dịch là Hóa sinh là người có ứng theo Niệm tâm số mà vào đạo. Vì sao? Vì Tu-đa-la và A-tỳ-đàm của Tam tạng giáo do Phật nói hoặc các đệ tử hóa nhân, Thiên, Tiên tùy cơ mà nói ra được Phật ẩn khả thành kinh. Còn Tỳ-ni kiết giới đều do chính Phật chế ra, vì muốn giữ gìn Phật pháp, sửa chính hàng quyển thuộc cần tu niệm giữ gìn giới luật, khiến không quên mất, niệm lực nếu mạnh thì không sai sót. Lại nữa người trì giới cấm luật, nếu không chuyên niệm cân nhắc khinh trọng ắt sẽ có nhiều sai sót, làm việc lỗi lầm, cho nên Phật dạy các Tỳ-kheo sáng sớm thường tu lục niệm tất tránh nhiều sai phạm, làm việc không lỗi lầm, nên ngài là bậc Thượng thủ trì giới. Xét đến cùng cho đến thành tựu năm lợi ích trước đây đủ như trong chương ngài Thân Tử.

- Đáp lời không kham Từ “Ưu-ba-ly...”. Văn có bốn:

- 1) Chánh đáp không kham.
- 2) Kể lý do không kham.
- 3) Kể việc chê trách.
- 4) Kết thành không kham.

\* Chánh đáp không kham: Bởi vì lúc xưa phán đoán không sáng suốt đến nỗi bị chê trách, đâu dám truyền chỉ Như Lai.

\* Kể lý do không kham “Sở dĩ giả hà” trở xuống do vì hai thầy Tỳ-kheo giải thích Luật tướng không khế hợp cơ lý. Văn có hai:

- a) Hai thầy Tỳ-kheo phạm giới nghi hỏi.
- b) Thượng thủ giải thích.

Hai thầy Tỳ-kheo hỏi: Có hai Tỳ-kheo phạm giới khinh trọng chưa biết, nếu khinh sao lại không dám hỏi Phật. Nếu là trọng thì luật không có văn sám hối hoặc phương tiện về trọng tội. Có thầy từng thấy kinh nói: Có một Tỳ-kheo nằm ngủ trần trong Lan-nhã có cô gái hái củi thấy được đến phạm tội dâm. Tỳ-kheo thức dậy nghi mình phạm trọng tội. Lại có Tỳ-kheo nổi giận muốn đánh cô gái, cô gái sợ chạy lọt hố mà chết. Thầy Tỳ-kheo nghi mình phạm giới sát, rất xấu hổ không dám hỏi Thế Tôn, bèn đến xin ngài Ưu-ba-ly quyết nghi. Trên nói mười vị đại đệ tử cùng giúp Như Lai hoằng truyền mười pháp môn là ý ở đây vậy.

Ngài Ba-ly giải thích “Ta sẽ vì các ông nói đúng pháp)

Y vào luật mà phán đoán hoặc dạy tập hợp Tăng làm phép Yết-ma để đuổi đi nên nói giảng giải đúng pháp.

\*) Chính kể việc bị chê trách “thời Duy-ma-cật ... trở xuống. Văn có hai:

- a) Chính kể việc bị chê trách.
- b) Hai thầy Tỳ-kheo tâm được thanh tịnh.
  - Phần (a) có bảy ý:
    1. Chánh chê trách.
    2. Khuyên dẹp bỏ.
    3. Giải thích.
    4. Dẫn lời Phật làm chứng.
    5. Hạch sách ngài Ba-ly.
    6. Phán xét theo lý chân.
    7. Kết thành tuân giữ giới luật.

Ý một chánh chê trách: Nếu căn cứ theo lý mà sám hối thì không phiền phải can thiệp bằng sự. Về sự tướng lẫn lẫn nào có lợi gì với lý. Không làm nặng tội thêm của hai Tỳ-kheo này, vì tội từ tướng sinh ra, vậy phải dẹp bỏ tướng. Còn ngài Ba-ly lại cưỡng phân biệt là trọng là khinh Yết-ma như thế là can thiệp bằng sự, đối làm loạn tâm; sinh ăn năn nặng nề, che lấp định tuệ, ấy là làm nặng thêm tội, cần dẹp bỏ ngay, chớ làm động tâm người.

Ý thứ hai khuyên dẹp bỏ: Quán kỹ tánh của tội thì vọng tướng tự dứt, ấy là dẹp bỏ ngay. Vì sao? Vì tội từ tâm sinh, tất do tâm diệt, nên tội có hay không có đều do ở tâm. Nếu quán tâm rất ráo không thể được, tức không thấy tướng tội, đó là dẹp bỏ ngay, không nên làm loạn tâm họ. Nay nói tội diệt có ba cách: Tác pháp sám. Quán tướng sám và quán vô sinh sám.

Tác pháp sám thì diệt trừ tội trái vô tác, nương vào Tỳ-ni môn. Quán tướng sám thì diệt trừ tánh tội, thứ này nương vào định môn. Quán vô sinh sám thì diệt trừ tội vọng tướng, thứ này nương vào tuệ môn. Lại nữa, tội trái vô tác thì chướng giới, tội tánh thì chướng định, tội vọng tướng thì chướng tuệ.

- Tác pháp sám như luật đã nói: Tác pháp thành tựu luôn diệt trừ các tội trái vô tác, nhưng không trừ được tánh tội. Đại luận nói: Như Tỳ-kheo cắt cỏ, làm mất mạng thì hai tội cùng một thiên, tác pháp sám hối thì hai thứ vô tác diệt, mất mạng thì không diệt. Tuy tội trái vô tác diệt nhưng tánh tội chưa diệt vì nó không phải thật diệt mà khi tác pháp thì

loạn động phân tán bỏ phế việc tu thiền định; chướng ngại việc nhập vô sinh tức là làm nhiều loạn tâm người ấy.

- Quán tướng sám, thì như các kinh Phương Đẳng đã nói về hành pháp để thấy tướng tội diệt. Bồ-tát giới có nói: Nếu thấy các tướng lạ như hoa và ánh sáng thì các tội liền diệt mất. Nếu không thấy tướng lạ dầu sám hối cũng vô ích. Nếu thấy tướng đẹp thì hai tội tánh và vô tác đều diệt mất. Chấp tướng thì tâm động, tức nước tâm không trong thì ngọc châu đâu thể hiện ra. Đây cũng là quấy nhiễu tâm, không phải là diệt thẳng tội.

- Quán vô sinh sám, khi quán này thành thì có thể diệt trừ hết các tội thuộc vọng hoặc căn bản. Như đào bật gốc cây thì các cành lá đều chết. Phổ Hiền Quán có nói: Tất cả biển nghiệp chướng, đều từ vọng tướng sinh, người muốn sám hối tội, ngồi thẳng nghĩ thật tướng, các tội như sương sớm, mặt trời tuệ chiếu tan không cần phải tác pháp và thủ tướng lăng xăng.

Hỏi: Nếu thế, các kinh nói về Sám hối ắt phải rất xấu hổ sợ sệt mà sửa đổi tội lỗi thì sao được không cần tác pháp và thủ tướng sám.

Đáp: Người có lợi độn. Nếu người độn căn tạo tội thì tâm nặng, sám hối thì tâm nhẹ. Tâm nhẹ không thể trừ được tội tâm nặng, cho nên khiến phải sinh tâm rất xấu hổ sợ sệt sửa lỗi, cần phải theo tác pháp và thủ tướng sám hối. Còn người lợi căn tâm chánh quán tánh tội vốn tự mất, lo sợ hối lỗi không khởi tất là rốt ráo, nên không tạo tội mới là gọi là diệt thẳng tội lỗi, không quấy nhiễu tâm. Nên Đại luận có nói: Nếu người phạm tội hay sám hối, sám hối rồi không còn lo âu. Như thế tâm an lạc không còn nhớ nghĩ nữa. Nếu hối lỗi quá nặng thì việc hối lỗi sẽ như mũi tên đâm vào tim, hiện đời sâu khổ chết rồi bị đọa vào địa ngục. Lại nếu chấp có tội này, thì tội trở thành nặng, nếu không chấp tội thì tội nhẹ dần. Nếu hay thấy được lý sự của tánh căn bản thì tất cả các tội liền diệt mất. Ấy là diệt thẳng, không quấy nhiễu tâm.

Ý thứ ba, giải thích Từ “dở dĩ ... trung gian”, tánh tội không ở trong, ngoài hay khoảng giữa, là tội tánh vốn không. Nếu thường quán “không”, tức là Không tội. Vì sao? Vì nếu tội là có tức có định tánh. Nếu có định tánh thì không ngoài ba chỗ: Ở trong tâm. Ở ngoại cảnh và ở khoảng giữa, tức tâm cảnh cùng sinh.

Nay kiểm tra lại nếu ở trong tức là tự tánh. Tự tánh là tội, khi chưa đối cảnh thường phải luôn có tội, nên không phải là tự tánh. Nếu bảo là ở ngoại cảnh, thì cảnh là tánh khác. Nếu người khác có tội thì tội thuộc người khác đâu liên quan gì đến mình. Nếu bảo trong ngoài hợp lại mà

tội sinh ra, tức là cùng sinh ra tội, cùng có hai lỗi, gọi là mình người, tức hai tội cùng sinh như chặt cỏ cây. Nếu người có tội cỏ cây cũng phải có. Nếu bảo là ở khoảng giữa thì dao cũng có tội đâu phải chỉ ở hai phía.

Lại giải thích không phải ở nội căn, ngoại trần hoặc khoảng giữa sáu thức, nếu mười tám giới “không” thì không có tội tánh nào có tội. Lại tội từ tâm sinh, mà quán tâm không từ mình người cùng sinh thì tâm không ở trong hoặc ở ngoài hay ở giữa. Tâm như thế thì tội cấu cũng thế, các pháp cũng thế. Nên Phổ Hiền Quán có nói: Quán tâm không có tâm, pháp Không trụ ở pháp, tâm ta tự trống không, tội phước không chủ, các pháp như thế, không trụ, không hư hoại, sám hối như thế gọi là đại sám hối, gọi là trang nghiêm sám hối, gọi là vô tội sám hối, gọi là phá hoại tâm thức sám hối. Làm pháp sám hối này tâm như nước chảy, niệm niệm không dừng trụ, thấy được Phổ Hiền Bồ-tát và mười phương Phật. Hai lời giải trước là quán hạnh có sơ thất nhỏ không hợp với kinh, lời giải sau là giúp ngài Tịnh Danh dẫn lời Phật nói. Nếu hay như thế mà quán tội vô sinh là diệt trừ thẳng không quấy nhiễu tâm. Ngài Tịnh Danh lấy đây mà giải thích mà thấy rõ ý chê trách trước.

Ý thứ tư dẫn lời Phật nói làm chứng để giải thích điều nghi của Ba-ly “Như Phật đến ư như”. Vì sao? Vì ngài Ba-ly tự nghĩ Tỳ-ni do Phật chế ra. Nay sử dụng theo pháp chế này nào có lỗi gì. Thế nên Đại sĩ cũng dẫn lời Phật nói sao không nhận. Nhưng lời Phật nói có hai là liễu nghĩa và bất liễu nghĩa, đâu thể chấp nhận lời nói bất liễu nghĩa mà không chấp nhận lời liễu nghĩa, cũng là khiến hai thầy Tỳ-kheo tín tâm được sáng sạch. Cho nên dẫn lời Phật nói để phá nghi chấp của họ. Nếu căn cứ vào đây mà phán quyết trái lời Phật nói, tức trong Tỳ-ni Phật hỏi ông khởi tâm nào, nếu khởi tâm cấu bần thì khinh hay trọng đều là tội cả, chẳng nói là Không. Đại sĩ liền dẫn lời Phật: Tâm cấu nên chúng sinh cấu. Phải biết tội từ tâm sinh, nếu thấy có chúng sinh tức có tội cấu. Nếu biết tâm trống không, không có tướng chúng sinh, tức là tâm tịnh, mà tâm tịnh tức chúng sinh tịnh. Chúng sinh tịnh, nên không có tội cấu. Đây thì tâm năng tri sở tri đều không ở trong, ở ngoài hay ở khoảng giữa. Ấy là Không tâm, không tâm sao có tội cấu? Cho nên nói tội cấu cũng như thế, các pháp cũng như thế, không ở ngoài Như. Như Đại Phẩm nói: Khi Bồ-tát hành Bát-nhã thì không thấy có pháp ở ngoài pháp tánh, pháp tánh tức là tên khác của như.

Ý thứ năm, hạch sách “Như Ưu-ba-ly ... trở xuống có ba phần nhỏ: Đại sĩ hỏi, Ưu-ba-ly đáp và Đại sĩ so sánh chỉ rõ Chân không vô cấu

- Đại sĩ hỏi: Đây hỏi Ba-ly tích pháp quán tâm, khi nhập vào thiên

chân thì có cấu chằng.

- Ngài Ba-ly đáp “ta nói là Không”. Tích pháp quán tâm, khi thấy chân, chân là tướng vô cấu.

- So sánh hiển sáng Từ “Duy-ma... như thị”. Đại thừa nói tướng tâm chúng sinh tức không tức trung. Vô cấu cũng thế.

Ý thứ sáu nói ba Giả vào Không phê đoán đoạn trừ “Duy Ưu-ba-ly đái nhau” trở xuống. Ba giả là: Nhân thành. Nối nhau. Đối đái nhau.

Thế là Giả vào Không, cho nên dùng các thí dụ huyền mộng... để luận về tướng giả. Như thế giả này cũng vào Viên, Chân đối phá tích giả Thiên chân của Tam tạng giáo. Vì sao? Vì ba giả của Tam tạng giáo chỉ tùy theo tình mà vào chân, còn giả của Đại thừa nói thì theo lý mà vào chân, đầy đủ như trong huyền nghĩa. Đây là diệt tội khéo vụng không đồng, ngài Ba-ly thì thô dùng vụng, ngài Tịnh Danh thì dùng khéo léo vi tế. Văn có ba:

- a) Thế nhân thành.
- b) Thế nối tiếp nhau.
- c) Thế đối đái nhau.

Thế này vào Không tức chân tức trung, thì không có tội tướng, tức là dẹp bỏ thẳng của Tỳ-ni Đại thừa.

Có ba điên đảo, chính là căn cứ theo vô minh sáu uế thành năm ấm, giả gọi là người tội, tức nhân thành ra giả. Vô minh điên đảo không ngoài ba thứ, tức tướng, tâm, kiến luôn thành ba điên đảo, ba ấm đều do vô minh tạo thành. Ba thứ đảo ấm này giúp tâm vương khởi mà có tất cả các hành tội cấu. Nếu có thể hiểu rõ ba điên đảo không có mình người không nhân cùng chung tức là Không sinh. Không sinh, không diệt, không tâm, không tội. Chỉ do Ba-ly vọng tưởng là cấu, không vọng tưởng là tịnh.

Đây nói là tâm điên đảo, thế nó giả tức không, điên đảo không khởi thì không có tội cấu, cho nên nói không điên đảo là tịnh. Điên đảo là cấu, không điên đảo là tịnh. Chấp ngã là cấu, không chấp ngã là tịnh. Chấp ngã tức là ngã kiến... năm thứ, là kiến điên đảo. Thế nó giả tức không, tức không chấp ngã. Nếu không chấp ngã, thì không có tội cấu, nên nói không chấp ngã là tịnh. Cả ba thứ này đều là nhân thành giả cùng căn cứ tâm mà luận tội cấu nên cần thể hội.

Nói về thế nối tiếp Giả để nhập vào Không như huyền. Thí dụ pháp nối tiếp chỉ gia bày ra nối tiếp có tội. Nếu thế nối tiếp thì không phải mình người... tức được nhập không thì không thấy tội tướng. Tội tướng hư vọng không thể được, tất tội cấu tự diệt mất. Như thí dụ về

điện chớp là hiển sáng việc tranh diệt tiếp nối nhanh chóng.

Hỏi: Điện chớp là thí dụ của Tam tạng giáo sao được vào môn dụng của Đại thừa?

Đáp: Đã nói thí dụ huyễn hóa về tiếp nối nhanh chóng không thật nhưng chưa sáng tỏ, nên phải mượn thí dụ về điện chớp để hiển sáng việc nhanh chóng, sao lại không được?

Nói về thể nối tiếp đối đãi Từ “các pháp... tương sinh”. Giả nhập vào Không đối đãi có hai thứ: Khác thời và đồng thời. Đây xét theo khác thời nên nói cho đến một niệm cũng không trụ, dùng bốn trường hợp kiểm soát cũng không thể được, liền được nhập vào Không.

Nói đối đãi nhau, tức đều thấy hư vọng.

Lại từ các pháp trở đi là chung thí dụ về ba giả thành tất cả pháp, đều là Không có mà phân biệt sinh ra tất cả pháp, là đều do vọng thấy, nên nói như mộng, như hơi nóng, như trăng trong nước... đều là vọng tưởng sinh ra. Thể giả tức không thì vọng tưởng không khởi, tâm không tội, tức là thanh tịnh. Nên ngài Tịnh Danh nói phải dẹp bỏ bằng.

Ý thứ bảy kết thành việc giữ luật Từ “kỳ tri đến thiện giải”. Phật giáo vốn khiến đoạn ác vào đạo. Nếu hiểu sâu được ý Phật phó cơ phán đoán người hay trừ tội cấu mà được vào đạo, tất không trái lời Phật dạy, tức là tuân thủ giới luật. Người biết điều này thì gọi là khéo hiểu biết, tức là biết tướng tội khinh trọng đều như huyễn hóa. Biết rõ khinh trọng, nhập vào Không có khinh trọng Đệ nhất nghĩa đế, tức là biết rõ sự khéo léo vượt qua của Tỳ-ni.

- Phần (b) Hai thầy Tỳ-kheo tâm được thanh tịnh. Văn có ba:

- 1) Hai thầy Tỳ-kheo khen ngài Tịnh Danh.
- 2) Thuật việc ngài Ba-ly hàng phục thành.
- 3) Hai thầy Tỳ-kheo tâm tịnh mà phát tâm.

Hai thầy Tỳ-kheo khen “ư thị...”, khen ngài Ba-ly là vụng về giữ luật, còn ngài Tịnh Danh là khéo léo giữ luật. Vì Khéo và vụng khác nhau nên khen là bậc Thượng trí. Ngài Ba-ly vì vụng không bằng xảo độ nên không nói được. Chỉ nói ngài là bậc Thượng thủ trì luật của Tam tạng giáo chứ không thể dùng cho Đại thừa. Thông, Biệt, Viên giáo thì phó cơ phán đoán nên nói mà không thường nói.

Thuật ngài Ba-ly hàng phục thành Từ “ngã... thử dã”. Ngài Ba-ly được hai Tỳ-kheo khen ngợi tự xả và kể tu học ba giáo cùng các ngôi vị dưới của Viên giáo không thể phán quyết việc ngài Tịnh Danh luận về quyền thuật nhạo thuyết. Người có trí tuệ thấu suốt được như đây thì thể pháp lý soi thấy cơ rõ ràng. Biết bệnh biết thuốc, tùy bệnh cho thuốc

thấu suốt vô ngại.

Nói hai thầy Tỳ-kheo phát tâm “thời nhị... thị biện”. Mỗi nghi ăn năn đã hết, tức nghi về tội dâm và tội sát đã hết. Ăn năn, tức ăn năn phạm tội đã hết và ăn năn tội thành nặng cũng hết. Tâm Bồ-đề như trước đã phân biệt.

Làm các việc như thế là nguyện khiến được vô ngại biện tài Đại thừa như Đại sĩ.

\* Kết thành không kham “nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy”. Ngài Ba-ly tự nghĩ việc vụng về giữ luật thuở xưa không thể trừ tội của hai Tỳ-kheo được đến nỗi bị Đại sĩ chê trách. Khi ấy bèn đến kính lễ, nên không kham lãnh ý Phật đến thăm bệnh.

Chín là Phật sai ngài La-hầu-la: Văn có hai: Phật sai thăm bệnh và đáp lời không kham.

- Sai thăm bệnh. Sở dĩ sai tiếp La-hầu-la, vì ngài là Mật hạnh bậc nhất trong hàng đệ tử Phật. La-hầu-la là con của Phật khi còn làm Bồ-tát, cũng gọi là La Vân, Hán dịch là Phú chướng, vì ở trong thai sáu năm nên gọi là Phú chướng. Bởi xưa đã lấp hang chuột nên bị báo này. Đại Luận nói: La Vân xưa làm vua có hên gặp một Tiên nhân, nhưng mãi ham nghe nhạc mà quên mất. Vị Tiên nhân phải hầu chờ ngoài đạo suốt sáu ngày không ăn uống, nên sáu năm phải ở trong thai, nhân đó gọi là Phú chướng. Có nơi dịch là Cung sinh, vì Thái tử Tất-đạt khi sắp vượt thành xuất gia, đã chỉ tay vào bụng vợ bảo rằng: “Sáu năm sau nàng sẽ sinh một trai.” Gia-du phu nhân đó biết mình có thai. Người trong nước đều nghi rằng Thái tử xuất gia, còn vợ ở tại cung làm sao có thai được nếu không phải là thông dâm. Phật và vua Tịnh Phạn về sau đã làm chứng đó là con của Thái tử do đó có tên là Cung Sinh. La Vân đã từ Tư tân số mà vào đạo, nên là Mật hạnh bậc nhất. Nếu xét kỹ cho đến thành năm thứ lợi ích trước, như nói đủ trong chương ngài Thân Tử.

- Đáp lời không kham “La-hầu-la trở xuống. Văn có bốn:

- 1) Chánh đáp lời không kham.
- 2) Nêu lý do không kham.
- 3) Chính kể việc chê trách.
- 4) Kết thành không kham.

\* Đáp lời không kham, vì xưa đã nói cho các Trưởng giả tử về công đức xuất gia, nên bị chê trách mà không đáp được, đâu dám lãnh ý thăm bệnh.

b) Nêu lý do không kham “sở dĩ” trở xuống. Do xưa đã nói cho các Trưởng giả tử về công đức xuất gia nên bị chê trách. Văn đây có hai:

- a) Trưởng giả tử hỏi.
- b) La-hầu-la đáp.

Trưởng giả tử hỏi: Đức Phật nếu ở tại gia sẽ làm Luân vương xuất gia thì thành Phật. Ngài La Vân ở tại gia cũng làm Luân vương, nhưng nay bỗng b) La Vân đáp Từ “ngã... chi lợi”, có thầy bảo trong kinh Hiền Ngu có nói: Suy xét độ người mà nói công đức xuất gia. Nay nói không phải vậy. Trưởng giả tử hỏi La Vân công đức xuất gia há lại luận việc độ người được phước nhiều ít. Bèn vì nói việc xuất gia theo Tam tạng giáo sẽ được mười trí, ba thứ Tam-muội, tam minh, lục thông, tám giải thoát... ra khỏi sinh tử được hai thứ Niết-bàn... Công đức xuất thế đâu như Luân vương còn bị lưu chuyển trong sinh tử không bến bờ.

\* Chánh kể việc chê trách “Thời Duy-ma...”. Văn có năm:

- a) Chánh chê trách.
- b) Giải thích.
- c) Rộng bày công đức xuất gia.
- d) Kết chân xuất gia.
- e) Khuyên các trưởng giả tử xuất gia.

Chánh chê trách, không cho nói: Đây có ba ý:

1. Đã là Mật hạnh sao được nói lợi của xuất gia, bèn nói rõ thế nào là Mật hạnh.

2. Nói công đức xuất gia nhỏ hẹp của Tiểu thừa không xứng với căn duyên Đại thừa của các trưởng giả tử.

3. Nếu nói công đức xuất gia phải đúng hình thức thì các trưởng giả tử sẽ bị trở ngại, trọn không thể có được hình thức xuất gia.

Vì ba lỗi trên, nên bị chê trách là Không nên nói.

Giải thích: “sở dĩ” đến “công đức”. Tam tạng giáo nói công đức hữu vi vô vi che giấu giới, định, tuệ gọi là Mật hạnh. Nay Đại sĩ chê trách có sự có lý. Về sự chê trách, nếu là Mật hạnh thì không nên tự nói công đức xuất gia, nếu vì lợi sinh thì không nên tự khoe. Đã không biết căn, nói không hợp cơ nào có lợi ích gì? Về lý chê trách, thì không lợi ích, không công đức ấy là xuất gia. Vô vi tức là hư không Phật tánh. Nếu thấy Phật tánh ra khỏi hai nhà chết mới là chân xuất gia. Nếu thấy Phật tánh được Đại Niết-bàn tất không chứa nhóm, mới gọi là tạng, gọi là chân Mật hạnh. Đây tức là Mật hạnh đối khô hiển bày vinh. Pháp hữu vi thì có thể nói lợi, có công đức. Đây là trách La Vân thấy chân, thiên lệch trí đoạn ấy là pháp hữu vi. Pháp hữu vi thì có lợi, có công đức. Đã là hữu vi thì không thể ra khỏi biển dịch sinh tử, sao gọi là xuất gia. Nên Đại kinh có nói: Không tức là sinh tử, chẳng không tức Đại Niết-bàn.



Phàm xuất gia là pháp vô vi. Trong pháp vô vi thì không có lợi, không có công đức. Đây là chê trách La Vân xuất gia tâm quấy. Phàm xuất gia vì vốn muốn ra khỏi nhà sinh tử, tìm đến chân vô vi. Chân vô vi như đoạn văn sau nói rằng: Thân Phật vô vi không rơi vào các số. Nếu chưa khỏi sinh tử mà trụ vào hữu vi, thì đây là cầu xuất gia tâm quấy. Vì sao? Vì Tiểu thừa thấy chân được Số, duyên hết mà được Hữu dư Niết-bàn, mà bảo là vô vi. Nếu nương Đại thừa được thấy Trung đạo, không còn biến dịch sinh tử nữa, mới là pháp chân vô vi, tức là bình đẳng. Ở chân pháp giới, Phật không độ chúng sinh, nên nói trong pháp vô vi không có lợi, không có công đức. Nên trong Đại kinh nói: Tăng Thanh văn gọi là Tăng hữu vi, Tăng Bồ-tát gọi là Tăng vô vi.

Hỏi: Ngài Tịnh Danh chính dùng vô vi phá hữu vi, vô vi chỉ là Hư không Phật tánh, sao được nói dùng chân mật hạnh Đại thừa để phá Bất chân mật hạnh của La Vân?

Đáp: La Vân đắm trước hữu vi, bao nhiêu Mật hạnh có được đều là hữu vi. Nay Tịnh Danh vừa rồi đem vô vi mà phá. Nếu biết rõ chân vô vi như châu Như ý, không gì chẳng có, cho nên trước nói vô vi, sau liền nói rộng về công đức xuất gia.

Rộng bày công đức xuất gia “La-hầu-la...”, vì La Vân nói công đức xuất gia Đại thừa, tức là trong pháp vô vi có đầy đủ tất cả hạnh, gọi là chân Mật hạnh. Văn có hai: Tự hành và Hóa tha.

Về tự hành, tức chánh quán Trung đạo để phá bên này, bên kia, và khoảng giữa vô vi Niết-bàn của Tiểu thừa. Vì sao? Vì kinh Thanh Văn nói: Niết-bàn là bờ bên kia, sinh tử là bờ bên này, phiền não là dòng chảy ở giữa, thì tất cả bờ kia đây, dòng chảy ở giữa đều là bờ bên này của Đại thừa. Nếu quán Trung đạo được chân vô vi, thì không thấy kia đây và dòng chảy ở giữa, tức là thấy Phật tánh, gọi là chân vô vi.

Lìa sáu mươi hai kiến là chánh quán Trung đạo, được chân vô vi, dứt bỏ tất cả kiến của nội ngoại giới. Nên kinh Địa Trì giải thích thanh tịnh thiền có nói: “Lìa tất cả kiến tức thanh tịnh thiền” tức là nghĩa đó.

Ở nơi Niết-bàn, là nếu quán Trung đạo liền thấy Phật tánh, trụ vào Bốn hữu Niết-bàn, thành ba đức bí tạng bất tư nghị, như chữ nhất ở đời.

Người trí thọ nhận, đây là nêu quả để thành nhân. Trí, tức tất cả người trí tuy không thọ nhận, nhưng tâm còn mù mờ về Trung đạo nên gọi là thọ nhận. Chỗ làm của Thánh, Trung đạo là chỗ làm của Thánh. Nên Đại luận có nói: Phật từ đường lớn trí độ mà đến. Lại người trí thọ nhận, tức là quán Trung đạo mà chứng quả. Chỗ làm của Thánh nhân là

tu nhân quán Trung đạo. Trung không phải nhân quả mà thường thành nhân quả công đức muôn hạnh, tức là chân Mật hạnh.

Về Hóa tha Từ “hàng phục trở xuống, tức nói về công đức xuất gia hóa tha của Đại thừa. Văn có hai:

1. Hàng phục chúng ma.
2. Tồi phục ngoại đạo.

Về hàng phục chúng ma tức là phá ái luận, tồi phục ngoại đạo tức là phá kiến luận. Nhưng ái kiến lại có hai: Nội giới tức là đám Ba-tuần, lục sư, ngoại giới tức là hàng Nhị thừa và Bồ-tát của Thông giáo.

Căn cứ hàng ma nói về công đức hóa tha, kinh Đại Tập nói: Được đạo Bồ-tát phá ma phiền não, được thân pháp tánh tức phá ấm ma. Được đạo Bồ-tát và thân pháp tánh tức là phá tử ma, được Bất động Tam-muội là phá Tha hóa thiên tử ma. Đại kinh có nói tám ma, tức là bốn thứ thường... và bốn thứ vô thường. Bốn thứ trước là giới nội, bốn thứ sau là ngoại giới.

Dựa theo ma phiền não trước mà nêu ra tám thứ này. Thường... thì khởi bốn thứ phiền não... tức là nội giới, khởi bốn thứ phiền não thường v.v... tức ngoại giới. Nếu chánh quán Trung đạo được pháp chân vô vi là tự hành phá tám ma. Nếu hóa tha, là nói Trung đạo không phải có để phá bốn thứ thường..., nói Trung đạo không phải Không, là để phá bốn thứ vô thường... Nên nói là hàng phục chúng ma.

Độ cho năm đạo, tức năm đạo đều là bà con của ma. Bồ-tát dùng căn lực từ thiện mà sinh vào năm đạo, hiện thân đồng sự và thuyết pháp giúp độ năm đạo, sáu đạo. Mở toang sáu đạo vượt thoát hai mươi lăm hữu. Bồ-tát quán Trung đạo, cùng chiếu soi hai đế, liền được ba đế Tam-muội, thành được hai mươi lăm Tam-muội. Mười phen phá hữu thường độ được năm đạo nội giới và Nhị thừa ngoại giới. Thành được ba thứ ý sinh thân của hàng Đại lực Bồ-tát.

Tịnh năm nhãn, là Bồ-tát tu chân vô vi, viên quán ba đế, quán cảnh thô của tục đế, phá các ác nghiệp gọi là tịnh nhục nhãn. Quán cảnh tế của tục đế, phá các loạn tâm, gọi là tịnh Thiên nhãn. Nếu quán chân đế, phá các hoặc nội giới, gọi là tịnh tuệ nhãn. Quán nội ngoại giới của tục đế, phá hàng hà sa vô tri thì gọi là tịnh pháp nhãn quán trung song chiếu, trừ sạch vô minh là tịnh Phật nhãn.

Được năm lực, là nếu tịnh được năm nhãn tức được năm lực, nghĩa là được năm lực trong bốn đạo phẩm. Vì sao? Vì nếu tích thể, tịnh tuệ nhãn thì được năm lực vô sinh. Từ không vào Giả, tịnh pháp nhãn thì được năm lực vô lượng. Nếu quán Trung đạo, viên chiếu pháp giới tịnh

Phật nhãn thì được năm lực vô tác, đó là ba quyền một thật.

Lập năm căn, Bồ-tát biết pháp giới bình đẳng cũng như hư không, không phải quyền không phải thật, mà hay thành tựu được năm lực quyền thật, hóa độ bốn thứ chúng sinh đều được năm căn, tức là lập năm căn vậy.

Không quấy não họ, là dùng bốn Tát-đàn để xứng hợp bốn căn duyên, trọn không sai cơ phá hỏng thiện căn của họ, tức là Không quấy não họ.

Lìa bỏ các tạp ác, tức Bồ-tát tự thành tựu bốn thứ năm lực, lìa bỏ tất cả tạp ác nội ngoại giới, hay lập năm căn cho bốn thứ chúng sinh, lìa bỏ bốn thứ tà nghi bất thiện phiền não, tức là khiến chúng sinh lìa bỏ các tạp ác.

Căn cứ tồ phục ngoại đạo nói công đức hóa tha Từ “tồ phục... chúng quá”. Tức là tồ phục chín mươi sáu phái lục sư nội giới và hàng Nhị thừa cùng Bồ-tát của Thông giáo ngoại giới. Vì sao? Vì Bồ-tát quán Trung đạo được chân vô vi, tức có thể tự phá bọn ngoại đạo hai biên. Vì chúng sinh mà nói phi hữu “không phải có) tức là tồ phục hàng ngoại đạo nội giới, nếu nói phi vô “không phải Không) tức là tồ phục hàng ngoại đạo ngoại giới. Vì sao? Vì tâm hành lý ngoại thì không đâu là Không phải ngoại đạo. Tồ phục khiến cho vào Trung đạo tức là hóa tha thành tựu.

Vượt khỏi giả danh, tức là sinh tử và Niết-bàn đều là giả danh. Bồ-tát quán trung, được chân vô vi tức là vượt khỏi giả danh của hai biên. Nếu vì chúng sinh mà nói đảo ngược để tồ phục ngoại đạo giúp ra khỏi bùn lầy, tức là chánh quán Trung đạo, ra khỏi bùn lầy kiến tư nội ngoại giới. Nếu vì chúng sinh nói “chẳng phải có, chẳng phải Không” thì căn cứ theo trước mà biết.

Không bị phược trước, phược là nghiệp, trước là ái, phiền não thắm nhuần nghiệp nên gọi là phược trước. Quán Trung đạo thì hay đoạn nghiệp ái hai biên. Nếu vì chúng sinh y theo trước có thể thấy.

Vô ngã sở, tức là chánh quán Trung đạo, không còn thấy có ngã, ngã sở nội ngoại giới. Nếu vì chúng sinh thì y theo trước sẽ thấy rõ.

Không thọ nhận, tức chánh quán Trung đạo, không thọ nhận hai biên. Nếu vì chúng sinh thì chuẩn theo trước sẽ thấy rõ.

Không làm nhiều loạn, là quán Trung tức Không, thì không có nhiều loạn hai biên Không và Có. Nếu vì chúng sinh chuẩn theo trước có thể thấy.

Bên trong phá hoại hủy, là nếu quán Trung đạo, song chiếu hai đế,

liền được bốn thứ hỷ của giác phần. Nếu vì chúng sinh mà nói Trung đạo hai đế bốn thứ hỷ giác chúng sinh sẽ được mừng vui của Bồ-tát, tức thành tựu hỷ vô lượng tâm.

Hộ trợ ý người khác, tức quán bốn căn duyên dùng bốn thứ Tất-đàn không trái với bốn cơ nên gọi là hộ trợ ý người khác.

Tùy thiên định, là nếu quán Trung đạo, song chiếu hai đế, tức là theo ba đế Tam-muội, trụ ở Đại Niết-bàn, vào sâu hang thiên định, không khởi diệt định mà hiện các oai nghi, vì chúng sinh nói pháp như đàn Tu-la khiến tất cả chúng sinh đều theo ba đế Tam-muội các thiên định vậy.

Lìa các lỗi là nếu quán Trung đạo, không có lỗi phiền não nội ngoại giới, được ba thứ không lỗi, ba thứ bất hộ, ba nghiệp tùy trí tuệ hạnh, ba luân hóa bất tư nghi, hóa độ tất cả chúng sinh nội ngoại giới, không bị lỗi làm tổn hại căn duyên người khác, hay khiến chúng sinh lìa bỏ các lầm lỗi nội ngoại giới.

Kết thành chân xuất gia “Nếu có thể như thế là chân xuất gia”.

Nếu hay như thế, là như trước đã nói, đều là Trung đạo mà được chân vô vi, đầy đủ công đức tự hành và hóa tha. Ấy là một tâm đầy đủ muôn hạnh, như châu Như ý đầy đủ tất cả báu, tức là chân Mật hạnh bốn vinh.

Là chân xuất gia, tức chánh quán Trung đạo được chân vô vi hay thoát khỏi hai mươi lăm hữu của phàm phu và ra khỏi nhà của Nhị thừa và Bồ-tát của Thông giáo, tức ra khỏi hai nhà sinh tử và Niết-bàn, nên gọi là xuất gia.

Ngài Tịnh Danh khuyên các trưởng giả tử xuất gia “ư thị trở xuống. Văn có bốn:

1/ Khuyên xuất gia. 2/

Từ chối có trở ngại. 3/

Lại khuyên.

4/ Phát tâm.

Ngài Tịnh Danh khuyên xuất gia, tức là khuyên tu Trung đạo, ra khỏi nhà sinh tử, nên nói: Các ông ở trong chánh pháp, nên cùng xuất gia. Chánh pháp tức là chánh lý Trung đạo. Hay quán lý này mà được ra khỏi hai biên gọi là xuất. Vì sao? Vì Phật Thế Tôn tất khó gặp, có Phật ra đời mới được nghe pháp, nếu không có Phật ra đời, dù có chánh lý thì suốt kiếp cũng không được nghe. Nay được gặp Phật, được nghe pháp đâu không nhanh chóng tu tập khiến ra khỏi hai nhà chết.

Các trưởng giả tử từ chối có trở ngại không xuất gia được Từ “chư

trường giả tử... xuất gia”. Ngài Tịnh Danh vốn khuyên quán chân vô vi mà ra khỏi hai nhà chết. Các trường giả tử cho là khuyên phải theo hình thức xuất gia, nên đồng từ chối có trở ngại, nên dẫn lời Phật nói. Ghi đủ ở luật Tăng-kỳ.

Khuyên quán hạnh xuất gia Từ “Duy-ma... cụ túc”. Cần nêu đủ bốn trường hợp:

- Hình và tâm đều không xuất gia.
- Hình xuất gia mà tâm không.
- Hình không mà tâm xuất gia, tức là quán hạnh xuất gia.
- Hình và tâm đều xuất gia.

Nên lại khuyên nói: Các ông chỉ phát tâm này tức là xuất gia rồi. Điều Phật đã dạy ngài Tịnh Danh vốn biết làm như thế cố nhiên là được, chỉ cần các Trường giả tử đều có thiện căn Đại thừa, do đó khuyên họ phát tâm cầu chân vô vi liền ra khỏi hai nhà chết. Nhưng Giới từ tâm sinh. Đạo tâm nếu phát thì giới phẩm Bồ-tát tùy tâm đều phát sinh, nên nói liền đầy đủ.

Nói các trường giả tử phát tâm Từ “Nhĩ thời... Bồ-đề tâm”. Các trường giả tử y lời khuyên đều phát tâm Vô thượng đạo. Về tâm Bồ-đề đã giải thích ở trước.

\* Kết lời không kham “nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy”. Ngài La Vân tự nghĩ lúc xưa, vì các trường giả tử nói về công đức xuất gia, nhưng văn nghĩa thô thiển không xứng hợp căn duyên của các trường giả tử, đã bị chê trách, đâu dám lãnh ý chỉ Phật đến thăm bệnh.

Mười là Phật sai ngài A-nan. Văn có hai: Phật sai thăm bệnh và đáp lời không kham.

- Sai thăm bệnh: Sở dĩ Phật tiếp sai ngài, vì A nan là Đa văn bậc nhất trong hàng đệ tử. Ngài là con thứ của vua Hộc Phạn, em ruột của Điều-đạt và là em họ của Như Lai. Hán dịch là Hoan hỷ. Sở dĩ gọi Hoan hỷ thì như Đại Luận nói có ba nguyên do:

1. Từ bản nguyện mà được tên là Hoan hỷ. Tức tiền thân Đức Thích-ca là người thợ đồ gốm đã phát nguyện với Đức Phật Thích-ca ở quá khứ rằng: Con nguyện khi thành Phật thì lại có tên là Thích-ca và thị giả cũng tên là A-nan. Nay được làm thị giả rất xứng với bản nguyện, nên gọi là Hoan hỷ.

2. Từ cha mẹ mà đặt tên là Hoan hỷ, là khi Như Lai sắp thành đạo thì ma đến chỗ vua Tịnh Phạn bảo rằng “Con ông đã chết.” Vua cùng quyến thuộc rất buồn khổ, khi ấy trời Tịnh cư đến báo tin Thái tử đã thành chánh giác thì vua rất mừng rỡ. Lát sau khi vua Hộc Phạn báo tin

sinh con trai. Vua càng vui mừng, bảo đứa nhỏ này sinh ra trong lúc vui mừng nên đặt tên là Hoan hỷ.

3. Từ thấy mà được tên. Vì A-nan thân tướng đoan nghiêm, người nhìn thấy đều yêu kính, sinh tâm vui mừng nên gọi là Hoan hỷ. Xét đến cùng cho đến thành tựu được năm lợi ích trước thì đã nói đầy đủ như trong chương Thân Tử.

- Đáp lời không kham “A-nan trở đi”. Văn có bốn:

1/ Chính từ chối không kham.

2/ Nói lý do không kham.

3/ Chính kể việc chê trách.

4/ Kết thành không kham.

\* Chính đáp không kham. Bối thuở xưa vì Phật xin sữa nên bị chê trách không đáp được, đâu dám lãnh ý thăm bệnh.

\* Nói lý do không kham. Do Phật có bệnh nhẹ phải dùng sữa bò. Ngài A-nan cầm bát đi xin nên bị chê trách. Vì sao? Vì Tam tạng giáo chỉ nói sinh thân của Phật mà không nói pháp tánh ba thân ba đức. Sinh thân có chín việc, ép ngặt như đói, khát, lạnh, nóng, bệnh tật... Sở dĩ thân có chút bệnh phải dùng sữa bò, A-nan không biết là thân pháp tánh, bảo có bệnh là thật, nên bưng bát đi xin sữa. Ấy là bán tự đa văn không nghe pháp thân là thể kim cang, thường trú rỗng không do đó mà bị chê trách.

\* Chính kể việc chê trách “thời Duy-ma trở xuống. Văn đây có ba phần:

1. Hỏi ý xin.

2. Chính chê trách.

3. A-nan hổ thẹn.

- Phần một lại có hai:

a. Tịnh Danh hỏi.

b. A-nan đáp.

- Tịnh Danh hỏi: Sở dĩ hỏi, vì giờ khát thực chưa đến, nay ôm bát đến đây là muốn xin gì, muốn trách cứ nên trước hỏi rõ ý định. Nên hỏi vì sao sáng sớm ôm bát đứng đây.

A-nan đáp “ngã ngôn... chí thử”. A-nan chỉ chấp ý giáo Tam tạng giáo cho rằng Phật có bệnh nhẹ cần uống sữa, phận đệ tử phải cung phụng không trễ nãi, nên đến mà xin sữa.

Phần hai, Chính chê trách: Từ “Duy-ma-cật...”. Văn có bốn:

a. Lại ngăn A-nan có hai hủy báng.

b. Chỉ rõ thể kim cang.

c. Kết hủy báng.

d. Lại giải thích để đối phá.

Ngăn A-nan hủy báng: Nói chân pháp thân thì không có bệnh này. Sở dĩ ngăn hai thứ là ngăn hai hủy báng. Nói hai hủy báng là chê thêm và chê bớt. Chê thêm, là chân pháp thân của Phật Đoạn đức đầy đủ không có nhân quả của khổ, mà nói là có, tức chê thêm pháp thân. Nói chê bớt, là chân pháp thân của Phật Trí đức viên mãn, tức là thường quả, mà nói có bệnh, tức là chê bớt. Cho nên ở đoạn văn sau nói: “Chê hủy báng Như Lai.” Nay A-nan nói: “Thân có chút bệnh” tức có đủ cả hai hủy báng. Thế nên ngăn A-nan đừng nói lời ấy.

Chỉ rõ thân kim cang của Như Lai “Như Lai.. hà não”: A-nan không lường được ý lại ngăn, do đó Tịnh Danh chỉ rõ thân Kim cang để đối phá giáo Tiểu thừa nói về sinh thân. Thân Như Lai là thể Kim cang, tức pháp thân, thường thân. Sở dĩ dụ với kim cang là vì thể bền chắc dụng, nhọn thấu suốt cả nguồn cội. Bền chắc dụ cho pháp thân không bị vọng hoặc sinh tử xâm phạm, thường trụ bất biến. Bén nhọn dụ cho trí đức Bát-nhã của pháp thân có công năng chiếu dụng khắp mọi nơi. Thấu suốt đến cội nguồn là dụ cho đoạn đức giải thoát của pháp thân, dứt hết tận cùng các hoặc chướng, ấy là ba đức như chữ nhất ở đời, nên mượn kim cang để dụ cho pháp thân.

Các ác đã đoạn, các thiện khắp hội, các ác đã đoạn tức là năm trụ đều dứt. Các thiện khắp hội, tức là Ma-ha Bát-nhã hay dẫn dắt muôn thiện còn mịt mờ ở Trung đạo được rớt ráo viên cực, ấy là ba đức của pháp thân nghĩa rất rõ ràng.

Còn có bệnh gì, còn có não gì, tức các ác đã hết thì không còn khổ quả, thì còn có bệnh gì? Các thiện khắp hội rớt ráo thường lạc nào có não gì? Đây là phá báo thân trí đoạn của Tam tạng giáo, nên nói là bệnh. Pháp thân trí đoạn của Đại thừa không có khổ, nên nói không có bệnh. Nói có bệnh tức là hai thứ hủy báng. Nhưng xưa ước bốn thời, năm thời nói rằng nói Bát-nhã cũng là Phật tám mươi tuổi. Giáo Phương đẳng này đồng với Thủ-lăng-nghiêm nói sống bảy trăm a-tăng-kỳ kiếp mà chẳng chịu giải thích, mười đệ tử là hiển bày khô vinh, đâu được dùng vô thường làm mất văn kinh này.

Kết hai hủy báng. Văn có hai:

- Kết chê bớt.

- Kết chê thêm.

Một, Kết chê bớt, đem Luân vương làm chứng để làm sáng tỏ nghĩa này “hãy làm thính bước đi”, là ngăn việc chê bớt nên nói “hãy

làm thình”; để ngăn việc chê thân nên nói “bước đi.” chân thân không bệnh, sao nhọc công xin sửa, nên khiến đi vậy. Nếu nói có bệnh, tức là nói thêm, chớ khiến người khác nghe lời thô thiển này, là kẻ ngoại đạo ôm lòng dị kiến, tức là người khác nghe Phật có bệnh cho rằng Phật tu thiện còn thô thiển, lạc quả không trọn nên còn bệnh tật, có khác gì người đời, tăng thêm hủy báng bậy, nên khuyên làm thình đi đi.

Không nên khiến... là người có báo lành nhỏ đều được không bệnh tật. Nếu nghe A-nan nói Phật có bệnh liền rất quái lạ là Phật không hơn Luân vương. Vì Luân vương chỉ ba đời tu thập thiện, và tự hành hóa tha, đây là phước nhỏ mà còn được không bệnh, huống là Như Lai có vô lượng phước, hội vượt trội. Phật từ vô lượng kiếp đã tu Ma-ha Bát-nhã để dẫn dắt người muôn hạnh gặp chân lý tốt chứng quả thường lạc, đâu được có bệnh. Nếu nói Phật có bệnh tức không bằng Luân vương, người có oai đức ở Tịnh độ và chư Thiên. Đâu không phải là làm tổn thương lớn ư?

Hai, Kết chê thêm Từ “Hành hỷ... nhân văn”. Đây là ý chê trách rằng: Nếu nói Phật có bệnh tức là chê thêm, pháp thân vốn không bệnh mà nói là có, tức là có quả bệnh. Quả tất do nhân, vậy nhân là Không lành, nếu có bệnh ác, tức là người ác há lại làm thầy người. A-nan đã là người tu, tất phải xấu hổ với đồng bạn. Nếu nói lời này tất phải xấu hổ với Bồ-tát bốn chúng đệ tử. Nên nói: Chớ khiến bọn ta cùng chịu sự xấu hổ này. Ngoại đạo... đây là nêu đủ về thầy trò cùng chịu nhục, lại khiến nhiều tà nhân mang trọng tội phỉ báng, là việc không nên. Nên khiến hãy đi nhanh đi chớ để người nghe, nếu người không nghe thì không phô bày, không gây tổn nhục cho môn đồ và thêm nhiều người phỉ báng khác.

Lại giải thích “đương tri... hà tật”. Nói pháp thân không bệnh để phá A-nan thấy sinh thân có bệnh, chấp đây mà nói, liền thành hai hủy báng. Văn có bốn ý:

Từ “Đương tri... dục thân”, đây là giải thích về pháp thân đoạn đức. Tư tức là hành, dục tức là ái. Nếu cùng hành hợp với nhuận nghiệp mà thọ sinh, pháp thân đã đoạn dứt các nghiệp phiền não nội giới ngoại giới, nên nói không phải thân tư dục. Tức là phá báo thân Hữu dư của Tam tạng giáo, cũng còn là quả của nghiệp phiền não nội giới, nên nói là bệnh nhỏ. Nếu chấp đây mà nói tức là chê thêm. Phật là Thế Tôn vượt ngoài ba cõi, đây là giải thích pháp thân trí đức, vượt ngoài hai thứ của ba cõi. Há lại có bệnh của ba cõi nội giới, đây là phá sinh thân Hữu dư cũng còn có báo thân nội giới, nên có bệnh. Nếu chấp đây mà nói



tức là chê bớt. Thân Phật vô lậu, các lậu đã hết, đây là giải thích pháp thân đoạn đức, không có ba lậu, hai thứ nội ngoại giới, nên không đọa lạc vào hai thứ sinh tử, há lại có cái quả hữu lậu nội giới, mà có bệnh ư? Đây là phá sinh thân hữu dư của Tam tạng giáo, là quả hữu lậu nên có bệnh nhẹ. Chấp đây mà nói tức là chê thêm. Thân Phật vô vi không đọa vào các số. Đây lại giải thích về pháp thân trí đức. Vô vi không phải là hữu vi nội ngoại giới, tức không có hai thứ số pháp ấm nhập, há lại có pháp ấm giới nhập nội giới. Nưng theo đây mà có bệnh tức là phá sinh thân Phật của Tam tạng giáo cũng còn có quả báo ấm giới nhập... các pháp số, nên có bệnh. Nếu chấp đây mà nói tức là chê bớt. Thân như thế thì có bệnh gì, đây là tổng kết về pháp thân trí đoạn. Đã không có bốn lỗi này há được có bệnh, để phá lời A-nan nói, đến nổi thành hai hủy báng, trước đã giải thích ở chương Tu-bồ-đề nói về nghĩa hủy báng Phật. Đến đây thì ý đã sáng tỏ.

Phần ba, A-nan rất xấu hổ “thời ngã...”. Văn có hai:

a) Chánh hổ thẹn.

b) Trên không trung có tiếng an ủi.

- Chánh hổ thẹn. Xưa tự cho mình là học rộng, lãnh hội không nhầm lẫn, nay bị chê trách, bèn gây nên hai hủy báng, làm nhục cả thầy trò nên ôm lòng hổ thẹn. Lại sợ ở gần Phật mà Phật nói không ngộ đến nỗi nghe lầm nên bị chê trách.

Tiếng trên không trung an ủi dụ A-nan “tức văn... vật tầm”, đã rất xấu hổ sợ gây ra tội hai thứ hủy báng, nên có tiếng trên không trung giải thích an ủi. Tiếng trên không trung là tiếng của pháp thân Tỳ-lô-giá-na, như Phổ Hiền quán đã nói.

Như cư sĩ nói, là như ngài Tịnh Danh nói pháp thân trí đoạn đầy đủ, thân này không bệnh không cần phải xin sữa, tức là thật trí. Lời nói ấy không hư dối. Chỉ vì Phật hiện ra trong đời ác năm trước bày việc này để độ thoát chúng sinh.

Năm trước là: Kiếp trước. Phiền não trước. Chúng sinh trước. Kiến trước. Mạng trước.

Nếu Phật xuất hiện trong đời ác năm trước này để độ các đệ tử Thanh văn độn căn thì chỉ dạy cả về người và pháp, nên hiện ra có bệnh, tức là quyền trí. Nay vì hóa độ Bà-la-môn nên nói cần lấy sữa để làm phước cho họ, vậy không nên xấu hổ. Ấy là hai thân Chân ứng nghĩa không đồng nhau. Bốn địa pháp thân tuy không có bệnh tật, nhưng trong tích phải ứng hiện đồng phương tiện để lợi vật. Nếu biết rõ ý này thì không có hai thứ hủy báng, không cần xấu hổ.

\* Kết thành không kham: Từ “Thế Tôn... vấn tậ”. Ngài A-nan tự nghĩ ngài Tịnh Danh đã biện tài chê trách như thế, đâu dám lãnh ý chỉ Phật đến thăm bệnh.

B. Phật sai năm trăm đệ tử Từ “Như thị...”. Kinh vốn lược nêu khoảng này. Nhưng nếu năm trăm người bị chê trách, tức là có năm trăm Tỳ-kheo nương Tam tạng giáo vào đạo, ai nấy đều nói việc của mình, ngài Tịnh Danh lại dùng năm trăm pháp môn Đại thừa mà chê trách chiết phục, phân biệt các tướng, riêng hiển bày khô vinh, nhưng không trình bày ra đây chỉ nên để tâm mà hiểu.

-----